

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Thanh

- Bà Nông Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS, ngày 05/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 10/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Minh H**, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1968, tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ dân phố N 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá Đ và bà Nguyễn Thị X (đã chết); Có chồng là: Nguyễn Đình Tr (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án; Tiền sự: không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 10 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Hà - Có mặt.

-Bị hại:

+ Anh Vàng Seo D, năm sinh 1996.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Vù Seo S, năm sinh 1988.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

+ Bà Lại Thị L, năm sinh 1964.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Đình Thị C, năm sinh 1960.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị H, năm sinh 1973.

Địa chỉ: Thôn N 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

-Người làm chứng: Anh Vàng Seo C; Anh Vàng Seo H; Anh Vù Seo PL; Anh Trần Văn T; Chị Vũ Thị M; Chị Đình Thị H - đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân, mặc dù không có khả năng xin việc làm, chạy điểm thi và xin đi học. Nhưng bị cáo Lê Thị Minh H đã đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn xin được việc làm, chạy điểm thi và xin đi học ở một số trường cho một số người có nhu cầu đi làm, đi học. Từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2015 bị cáo H đã thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Bắc Hà cụ thể:

Vụ thứ nhất: Năm 2011, bị cáo H có quen biết Vàng Seo D ở thôn Ph, xã B, huyện B. Cuối năm 2014 H biết D đã học xong khoa mầm non, hệ trung cấp của Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội, chưa xin được việc làm. Khoảng tháng 3/2015, qua thông báo công khai H biết được thông tin Sở nội vụ tỉnh Lào Cai, Phòng giáo dục huyện Bắc Hà có tuyển dụng viên chức ngành giáo dục bằng hình thức thi tuyển, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D. H gọi điện nói với D có chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên mầm non hỏi “Có đi thi không”, D nói “Có” thì H nói muốn thi đỗ thì phải nộp 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cho H chạy điểm thi. Dìn bảo số tiền lớn như vậy không thu xếp được. H nói do có quen biết cậu ruột D là Châu Seo Ph, nên giảm xuống 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) thì D đồng ý. Ngày 13/4/2015 D cùng Vàng Seo C đến nhà H thì H nói “Nếu D đưa tiền chạy điểm thi thì chắc chắn sẽ đỗ”; D tin tưởng nên đã đưa 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), H nhận tiền và đã tự viết giấy vay tiền và cùng ký tên, có anh Vàng Seo C làm chứng ký xác nhận. Sau đó, H có bảo D tự làm hồ sơ nộp và ôn thi tại thành phố Lào Cai theo hướng dẫn. Sau khi nhận được tiền của D, H đã không thực hiện việc chạy điểm thi mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Tháng 5/2015, H xem kết quả thi được niêm yết tại Phòng giáo dục huyện Bắc Hà thì biết D thi không đỗ nên đã gọi điện thông báo cho D, nhưng H không giải thích lý do tại sao D không trúng tuyển. Khi biết mình thi không đỗ, D đã nhiều lần gọi điện tìm gặp để yêu cầu H trả lại tiền, nhưng không biết H ở đâu; Ngày 21/8/2020 Vàng Seo D đã làm đơn tố cáo H.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 11/2014 Vàng Seo H1 có quen biết bị cáo H, H1 đã nhiều lần nói với H có em họ là Vũ Seo S đã học xong Đại học Tây Bắc, khoa quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ môi trường chưa có việc làm muốn nhờ H xin giúp, H đồng ý. Khoảng tháng 12/2014 H biết thông tin ngành Kiểm lâm Lào Cai có kế hoạch thi tuyển công chức qua cổng thông tin điện tử. H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của S nên nói với H1; H1 đã gọi điện bảo S đến gặp H mang bằng tốt nghiệp đại học cho H xem. S mang bằng đại học ra Ủy ban nhân dân xã B gặp H, H nói với S năm nay có thi tuyển ngành Kiểm lâm, ngành học của S đủ điều kiện để dự tuyển. H hỏi S “Có đi thi không”, S nói “có”, H nói muốn thi đỗ thì phải nộp 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) chạy điểm thi. Buổi tối ngày 19/01/2015 S cùng anh trai là Vũ Seo PL và Vàng Seo H1 đến nhà, H nói “S học đại học ra, xin vào Kiểm lâm được”, PL nói đưa trước 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), nếu xin được đi làm sẽ đưa số tiền còn lại H đồng ý, H viết giấy vay nợ, sau đó H, PL, S cùng ký tên và anh H1 làm chứng. Đến ngày 30/01/2015 H gọi điện yêu cầu S chuyển 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu*

đồng) còn lại, S đã cùng PL và H1 đến nhà Hà giao tiếp 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), khi nhận tiền Hà nói “Cháu yên tâm cô giúp cháu thi đỗ công chức, không đỗ cô trả lại tiền cho cháu” và cũng viết giấy vay tiền, ký nhận như lần trước. H bảo S tự ra văn phòng Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai làm hồ sơ nộp, S tự làm thủ tục rồi tham gia thi tuyển. Sau khi nhận được tiền, H không thực hiện chạy điểm thi như đã hứa mà chỉ tiêu cá nhân hết. S đi thi không đỗ nên đã nhiều lần gọi điện tìm gặp để yêu cầu H trả lại tiền, nhưng không biết H ở đâu; Ngày 01/9/2020 Vũ Seo PL (anh trai Sĩ) đã làm đơn tố cáo H.

Vụ thứ ba: Khoảng đầu tháng 9/2014, H gặp bà Lại Thị L, H hỏi về chuyện gia đình thì L nói có con rể Trần Văn T đã học xong Đại học công nghệ thông tin chưa có việc làm. H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã nói với L nếu muốn xin việc thì lên nhà H sẽ giúp, L về nói lại với T rồi cùng đến nhà H. Tại nhà của H, T nói muốn xin vào làm tại Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai. Hà nói có thể xin được với số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) để cho H chạy việc, T chỉ cần đến phỏng vấn, không cần thi tuyển và phải đưa trước cho H 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để đặt cọc, L và T đồng ý. Ngày 22/9/2014 L đến nhà đưa 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) cho H, L yêu cầu viết giấy biên nhận thì H tự viết giấy vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) của L, có sự chứng kiến của T, số tiền còn lại L hẹn đưa sau, H hẹn đến ngày 31/12/2014 sẽ có kết quả. Đến cuối năm 2014, T không được đi làm, nên L nhiều lần gọi điện hỏi thì H nói xin vào Đài phát thanh - Truyền hình khó khăn. H bảo L có muốn xin cho T làm giáo viên thì tự làm hồ sơ và ký hợp đồng làm tại một trường trung học cơ sở, đến năm 2015 có đợt thi tuyển giáo viên thì H sẽ chạy điểm thi cho. Sau đó T đã tự ký hợp đồng và làm tại Trường THCS xã N, huyện B. Khoảng tháng 3/2015, H biết kế hoạch, thông báo của UBND tỉnh Lào Cai, Sở nội vụ tỉnh Lào Cai và Phòng nội vụ huyện Bắc Hà tuyển dụng công chức, viên chức trong đó có chỉ tiêu giáo viên trường trung học cơ sở thông qua hình thức thi tuyển. H nảy sinh ý định tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên gọi điện hỏi L có cho T đi thi không; Sau đó L nói lại với T rồi cả hai đến nhà H. T nói muốn được vào dạy học biên chế chính thức tại trường trung học cơ sở, H nói muốn thì đỗ thì phải đưa 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) cho H chạy điểm thi, chỉ cần đưa thêm 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) do H đã cầm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) từ trước, L đồng ý. Ngày 23/4/2015 L đến nhà H đưa tiếp 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), L yêu cầu H viết giấy biên nhận thì H tự viết giấy vay tiền của L, có T đi theo và chứng kiến. Sau đó. H bảo T đến Phòng giáo dục huyện Bắc Hà tự làm hồ sơ, nộp và thi tại thành phố Lào Cai theo hướng dẫn. Sau khi nhận tiền của L, H không thực hiện chạy điểm thi cho T như đã hứa mà chỉ tiêu cá nhân hết. Đến tháng 5/2015, biết T thi không đỗ, nên L đã nhiều lần gọi điện đòi tiền nhưng H lấy nhiều lý do để trốn tránh và đã bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 20/12/2020 Lại Thị L đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của H.

Vụ thứ tư: Khoảng đầu tháng 3 năm 2015, H gặp Đinh Thị C tại chợ Văn hóa Bắc Hà, C nói có con trai Sùng Văn H1 đang học lớp 9 muốn xin vào học tại Trường văn hóa I - Bộ Công an, H nói để xem và thông báo sau. Khoảng cuối tháng 3/2015. H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C, nên gặp và nói với C có đường dây có thể xin cho H1 được đi học tại Trường văn hóa I - Bộ công an, muốn được đi học

phải đưa 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) để chạy vào trường, C đồng ý và thống nhất khi nào cần tiền thì H gọi cho Cúc. Ngày 09/4/2015, H gọi điện và đến nhà C nói nếu đưa tiền cho H thì chắc chắn thực hiện được việc chạy cho H1 được vào học, C đưa trực tiếp đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) yêu cầu H viết giấy biên nhận để làm tin, H viết giấy vay tiền 120.000.000 đồng của C, có người làm chứng là Đinh Thị H, Số tiền 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) C hẹn sẽ đưa cho H sau. Khoảng tháng 9 năm 2015, C nghe dư luận nói có một số trường hợp tại huyện Bắc Hà đã nhập học tại Trường văn hóa I-Bộ Công an nhưng không có H1, nên C gọi điện hỏi thì H nói H1 thuộc diện nhập học khác, sau khi trường rà soát, xét duyệt lại H1 sẽ được bổ sung nhập học thay thế các trường hợp không đủ tiêu chuẩn đã nhập học trước đó. Ngày 05/10/2015, H lại gọi điện thông báo và đến nhà C lấy tiền, khi C đưa tiền yêu cầu viết giấy biên nhận làm tin thì H tự viết giấy vay 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), có người làm chứng là bà Vũ Thị M. Sau khi nhận tiền của C, H không thực hiện việc chạy cho H1 mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chờ lâu không thấy H1 được nhập học nên nhiều lần C gọi điện hỏi thì H trả lời cứ chờ nhà trường xét duyệt, chờ thông báo của nhà trường để trốn tránh việc trả tiền. Ngày 25/01/2021 Đinh Thị C đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

Tại các bản Kết luận giám định số: 33/GĐTL, ngày 04/9/2020, bản Kết luận giám định số 39/GĐTL, ngày 30/9/2020 và bản Kết luận giám định số: 13/GĐTL, ngày 27/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định, so sánh mẫu chữ viết của Lê Thị Minh H và chữ viết trong các giấy vay tiền mà những bị hại giao nộp, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu gửi giám định đều do Lê Thị Minh H viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-BH, ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lê Thị Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bị cáo Lê Thị Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt ở trên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và nhất trí hoàn trả số tiền còn thiếu cho các bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai trình bày lời luận tội, tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Minh H từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ Luật hình sự năm 1999. Điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Thị Minh H phải trả lại cho anh Vàng Seo D với số tiền là 40.000.000 đồng; anh Vũ Seo S với số tiền là 85.000.000 đồng; bà Lại Thị L với số tiền là 85.000.000 đồng và bà Đinh Thị C với số tiền là 185.000.000 đồng.

Về phần án phí và quyền kháng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Bị hại:

+ Anh Vũ Seo S có ý kiến: Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần dân sự anh S đã nhận được số tiền 15.000.000 đồng. Anh S yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục trả lại số tiền còn thiếu là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

+ Bà Đinh Thị C có ý kiến: Về phần hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần dân sự yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 365.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

+ Anh Vàng Seo D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà. Về phần dân sự anh D đã nhận được 20.000.000 đồng từ phía gia đình bị cáo Hà. Anh D yêu cầu bị cáo H phải trả lại cho anh số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

+ Bà Lại Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần dân sự bà L đã nhận được số tiền 15.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến: Không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng mà chị đã tự nguyện bỏ ra để trả cho các bị hại.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Minh H: Tại phiên tòa bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 10/2015. Mặc dù, bị cáo không có khả năng xin việc làm, chạy điểm thi và xin đi học, nhưng bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có thể xin được việc làm, chạy điểm thi và xin được đi học để người bị hại tin tưởng nhằm chiếm đoạt của anh Vàng Seo D với số tiền là 60.000.000 đồng; anh Vũ Seo S với số tiền là 100.000.000 đồng; bà Lại Thị L với số tiền là 100.000.000 đồng và bà Đinh Thị C với số tiền là 185.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 445.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên Viện kiểm sát nhân

dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lê Thị Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự, trị an trên địa bàn huyện Bắc Hà. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường được một phần nhỏ so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho các bị hại. Các bị hại D, S và L đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Bị cáo có nhân thân tốt. Do vậy, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Trong thời gian ngắn bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Vàng Seo D yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Ngày 24/3/2021 anh D đã nhận được 20.000.000 đồng từ phía gia đình bị cáo H. Nay anh yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Anh Vũ Seo S yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ngày 24/3/2021 anh S đã nhận được 15.000.000 đồng từ phía gia đình bị cáo H. Nay anh yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Bà Lại Thị L yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ngày 24/3/2021 bà L đã nhận được 15.000.000 đồng từ phía gia đình bị cáo H. Nay bà yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh D, anh S và bà L yêu cầu bị cáo phải phải hoàn trả số tiền còn thiếu là có căn cứ. Nên buộc bị cáo H phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền còn thiếu trên cho các bị hại.

Đối với số tiền 365.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) bà Đinh Thị C cho rằng đã đưa cho bị cáo H và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả toàn bộ số tiền trên. Quá trình điều tra bị cáo H chỉ thừa nhận đã nhận được từ bà C số tiền là 185.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo H với bà C, qua tài liệu, chứng

cứ thu thập được thì việc bà C đưa cho bị cáo H số tiền 185.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Do vậy, buộc bị cáo H phải hoàn trả cho bà Đinh Thị C số tiền là 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Còn đối với số tiền 180.000.000 đồng bà C cho rằng đã đưa thêm cho bị cáo H, nhưng quá trình điều tra bà C chưa cung cấp được giấy tờ (bản gốc) và các chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên chưa có đủ căn cứ để buộc bị cáo H phải có trách nhiệm trả số tiền đó. Nếu sau này bà C có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà đã đưa thêm cho bị cáo H số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]. Đối với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), do chị Lê Thị H1 (là em gái) của bị cáo H đã tự nguyện trả để bồi thường cho người bị hại. Chị H1 không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 07 giấy vay tiền giữa bị cáo Hà và các bị hại được lưu trong hồ sơ vụ án. Nên không đề cập xử lý.

[8]. Những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội của Kiểm sát viên; bị cáo; người bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều phù hợp. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa phù hợp, bởi vì gia đình bị cáo mới bồi thường được một phần nhỏ so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho các bị hại, nên không được chấp nhận. Về mức hình phạt và về phần dân sự mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh H 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 16 tháng 10 năm 2020.

2. Về phần dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ Luật hình sự năm 1999; Điều 585 và Điều 589 của Bộ Luật dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Minh H phải hoàn trả cho anh Vàng Seo D số tiền là: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); anh Vũ Seo S số tiền là: 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*); Bà Lại Thị L số tiền là: 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*); Bà Đinh Thị C số tiền là: 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thị Minh H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 19.750.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản tiền án phí là: 19.950.000 đồng (*Mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo; bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND h. Bắc Hà;
- CQCSĐT CA h. Bắc Hà;
- CQTHAHS CA h. Bắc Hà;
- Sở tư pháp T. Lào Cai;
- BPHSNV CABắc Hà (để chuyển CA tỉnh);
- P.THA& HTTPCA T. Lào Cai;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Các bị hại,
- NCQLLQ;
- THA HS;
- CCTHADS;
- Lưu HS; TA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thọ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Nhung Phạm Thanh

Trần Thị Thọ